

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2017/DS-PT
Ngày: 30-11-2017
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

Các Thẩm phán:

Bà **Đặng Thị Đồng**

Bà **Võ Thị Hồng Mai**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông **Trần Văn Sự** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2017/TLPT-DS ngày 23-10-2017 về tranh chấp đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2017/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp C1, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Băng T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ 19, ấp C1, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Ấp C2, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn H.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn kiện ngày 26-5-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Ngày 05-12-2015, anh nhận chuyển nhượng của ông H phần đất diện tích 255m^2 (ngang 3m x dài 85m), tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh để làm đường đi vào đất của anh, với số tiền 27.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng có làm giấy tay, ông H đã nhận đủ tiền nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh. Hiện vợ chồng ông H, bà T đã ly hôn và về tài sản bà T được giao sử dụng diện tích đất $22.955,6\text{m}^2$, bao gồm diện tích đất 255m^2 ông H đã chuyển nhượng, nên bà T không đồng ý tiếp tục cho anh được đi trên phần đất này, do lúc ông H chuyển nhượng bà T hoàn toàn không biết.

Nay anh yêu cầu ông Phan Văn H phải trả lại cho anh số tiền 27.000.000 đồng. Anh không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 255m^2 (ngang 3m x dài 85m).

Tại bản tự khai ngày 19-6-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn H trình bày:

Ông thống nhất như lời trình bày của anh T, ngày 05-12-2015 ông có chuyển nhượng cho anh T phần đất diện tích 255m^2 (ngang 03m x dài 85m) với số tiền 27.000.000 đồng để làm đường đi, diện tích đất trên do ông và vợ ông là bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông và bà T đã ly hôn, được Tòa án phân chia tài sản cụ thể là bà T được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích $22.955,6\text{m}^2$, trong đó có diện tích 255m^2 mà ông đã chuyển nhượng cho anh T, khi ông chuyển nhượng bà T không biết và cũng không được Tòa án giải quyết trong vụ án chia tài sản sau khi ly hôn giữa ông và bà T, ông nhận tiền chuyển nhượng để sửa con đường đi cho anh T. Khi giải quyết vụ án chia tài sản sau khi ly hôn, bà T được chia phần đất có lối đi trên nên bà T phải có trách nhiệm tiếp tục cho anh T đi trên con đường đi này.

Nay ông không đồng ý trả lại số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 27.000.000 đồng theo yêu cầu của anh T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Băng T trình bày:

Bà và ông H ly hôn, được Tòa án giải quyết chia tài sản giao cho bà quản lý sử dụng phần đất tọa lạc ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, diện tích $22.955,6\text{m}^2$, trong đó có diện tích 255m^2 mà ông H đã chuyển nhượng cho anh

T. Lúc giải quyết vụ án chia tài sản sau khi ly hôn không giải quyết đối với việc chuyển nhượng giữa ông H và anh T.

Việc ông H chuyển nhượng cho anh T quyền sử dụng phần đất con đường đi nêu trên bà hoàn toàn không biết, nên bà không có trách nhiệm gì đối với anh T.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2017/DSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T đối với ông Phan Văn H về đòi lại tài sản.

Buộc ông Phan Văn H phải trả lại cho anh Trần Văn T số tiền 27.000.000 đồng.

Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi suất.

Ghi nhận anh T không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất diện tích 255m², nằm trong tổng diện tích 22.955,6m², do bà T và ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13-9-2017, ông Phan Văn H kháng cáo không đồng ý trả tiền cho anh T, nếu bà T không đồng ý cho anh T đi trên diện tích đất đã chuyển nhượng thì bà T phải cùng ông trả tiền cho anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Băng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Xét thấy, ông H thừa nhận ngày 05-12-2015 chuyển nhượng cho anh T diện tích đất 255m² với giá 27.000.000 đồng và ông đã nhận tiền chuyển nhượng xong. Diện tích đất ông chuyển nhượng là tài sản chung của vợ chồng ông và bà T, thời điểm ông chuyển nhượng đất bà T không biết. Khi vợ chồng ông ly hôn, bà T được giao sử dụng diện tích đất 22.955,6m² trong đó bao gồm diện tích đất 255m² mà ông đã chuyển nhượng cho anh T theo bản án phúc thẩm số 51/2016/HNGĐ-PT ngày 26/12/2016. Do bà T không đồng ý thực hiện việc chuyển nhượng diện tích đất trên nên anh T không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, yêu cầu ông H trả lại số tiền chuyển nhượng đã nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự 2005.

Ông H cho rằng bà T có trách nhiệm cùng ông thanh toán số tiền 27.000.000 đồng vì ông sử dụng số tiền vào cuộc sống chung vợ chồng. Tuy nhiên, ông H và bà T được Tòa án nhân dân huyện G công nhận thuận tình ly hôn vào ngày 23-5-2013, thời điểm ông chuyển nhượng đất là sau khi ly hôn với bà T. Tại biên bản hòa giải ngày 09-8-2017, ông thừa nhận việc mua bán chỉ mình ông ký tên và nhận tiền, bà T không biết việc mua bán. Hơn nữa, số tiền ông nhận chuyển nhượng ông cho rằng sử dụng vào việc sửa đường đi cho anh T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H thanh toán cho anh T số tiền chuyển nhượng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng Điều 256 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T đối với ông Phan Văn H về đòi lại tài sản.

Buộc ông Phan Văn H phải trả lại cho anh Trần Văn T số tiền 27.000.000 đồng. Ghi nhận anh T không yêu cầu tính lãi suất.

Ghi nhận anh T không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng ngày 05-12-2015 đối với quyền sử dụng phần đất diện tích 255m², nằm trong tổng diện tích 22.955,6m², đã giao cho bà T sử dụng theo bản án phúc thẩm số 51/2016/HNGĐ-PT ngày 26-12-2016.

Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn H phải chịu 1.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đồng theo biên lai thu số 0012167 ngày 26-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0012466 ngày 13-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng GDKT;
- Lưu tập án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Phượng

